

ĐỀ THI HÓA SINH LÂM SÀNG LẦN 1 NĂM HỌC 2015-2016
KHỐI LỚP Y4- Đề 01

Họ và tên sinh viên:..... lớp:..... Số BD:.....

1. Enzym nào sau đây chỉ có ở gan mà không có ở cơ để tạo glucose tự do:

- A. Enolase
B. Glycogen synthetase
C. Glucose 6 phosphatase
D. Aldolase
E. LDH

2. Nghiệm pháp nào sau đây dùng để đánh giá chức năng dự trữ glucid của gan:

- A. Nghiệm pháp galactose niệu
B. Nghiệm pháp Hồng Bengal
C. Nghiệm pháp Quick
D. Nghiệm pháp tăng glucose huyết
E. Nghiệm pháp Koller

3. Khi gan bị tổn thương nặng, khả năng tổng hợp chất nào sau đây giảm nhiều sẽ dẫn tới gan nhiễm mỡ:

- A. Triglycerid nội sinh
B. Triglycerid ngoại sinh
C. Cholesterol
D. Phosphatid
E. Acid béo tự do

4. Điều nào sau đây không đúng khi nói về chức năng tạo và bài tiết mật:

- A. Gan là cơ quan duy nhất tổng hợp acid mật từ cholesterol
B. Tại gan bilirubin được gắn 1 hay 2 acid glucuronic tạo thành bilirubin TT
C. Tại gan phần lớn urobilin bị oxy hóa tái tạo bilirubin GT → bilirubin TT
D. Một phần urobilinogen theo phân ra ngoài dưới dạng stercobilinogen → stercobilin
E. Test Koller (+) khi thiếu mật lâu ngày

5. Các xét nghiệm sau đây giảm trong hội chứng suy tế bào gan, ngoại trừ:

- A. Albumin máu
B. Amoniac
C. Fibrinogen
D. Ure
E. Cholesterol ester hóa

6. Nghi nhóm bệnh gì khi các xét nghiệm sắc tố mật và muối mật trong nước tiểu (-), urobilinogen-niệu tăng cao:

- A. Bệnh lý tại gan
B. Bệnh lý sau gan
C. Bệnh lý trước gan
D. Bệnh lý tại gan và sau gan
E. Bệnh lý trước gan và tại gan

7. Gan khử độc H_2O_2 sinh ra trong tế bào do quá trình chuyển hóa nhờ enzym:

- A. Hydroperoxide
B. Hydrolase
C. Catalase
D. Oxygenase
E. Peroxidase

8. NH_3 độc đối với các mô, nên được chuyển hóa thành không độc trong cơ thể:

- ☒ A. Glutamin
- B. Acid amin
- C. Glutaminase
- D. Acid α -cetoglutamic
- ☒ E. Arginin

9. Khi urê máu = 0,32g/L thì trị số tương đương của BUN vào khoảng:

- ☒ A. 0,16g/L
- B. 0,32g/L
- C. 0,64g/L
- D. 0,32mg%
- E. 3,2mg%

10. Các ý sau đây đúng khi nói về bilirubin gián tiếp-huyết, ngoại trừ:

- A. Tăng khi cơ thể bị tán huyết
- B. Xuất hiện trong nước tiểu khi có vàng da
- C. Không xuất hiện trong nước tiểu khi viêm gan siêu vi B cấp
- D. Không xuất hiện trong nước tiểu khi tắt đường mật hoàn toàn
- E. Tăng cao trong sốt rét thường

11. Muối mật có vai trò nào sau đây:

- A. Giúp nhũ tương hóa chất béo
- B. Giảm sức căng bề mặt của chất béo để enzym lipase dễ thủy phân
- C. Tăng diện tích tiếp xúc giữa enzym và chất béo để lipase dễ thủy phân
- D. Tất cả ý trên đúng
- E. Chỉ có A và B đúng

12. Nhóm xét nghiệm nào sau đây có tác dụng ngược mạnh nhất trong đánh giá nguy cơ bệnh lý tim mạch:

- A. Lipid toàn phần, triglyceride
- B. Cholesterol, phospholipid
- C. Phospholipid, triglycerid
- D. Lipid toàn phần, acid béo
- E. Cholesterol, acid béo

13. Apo A1 là apo chính của:

- A. CM
- B. HDL
- C. LDL
- D. VLDL
- E. Tất cả chất trên

14. Những điều sau đây đúng khi nói về chylomicron, ngoại trừ:

- A. Huyết tương đục do chứa TG ngoại sinh
- B. TG ngoại sinh tham gia vào cấu trúc chylomicron
- C. Chylomicron gây đục huyết tương khi thiếu enzym LP lipase
- D. Chylomicron bị thủy phân khi đến gan
- E. Chưa biết nhiều về nguy cơ trong bệnh lý tim mạch

15. Enzym nào sau đây bắt đầu tăng sau 3-4h bệnh nhân bị NMCT:
 A. AST ● B. CK C. LDH D. HBDH E. Một emzym khác
16. Kích thước của lipoprotein tăng dần theo thứ tự sau:
 A. Chylomicron-VLDL-LDL-HDL B. Cholomicron-LDL-IDL-HDL
 ● C. HDL-LDL-IDL-chylomicron D. HDL-IDL-LDL-chylomicron
 E. LDL-VLDL-chylomicron-HDL
17. Tỷ lệ % của protein trong cấu trúc của α -lipoprotein:
 A. 80% B. 70% ● C. 50% D. 30% E. 10%
18. Các yếu tố nào sau đây gây xơ vữa động mạch
 A. Chylomicron và VLDL ● B. VLDL và LDL
 C. LDL và HDL D. HDL và VLDL
 E. Chylomicronn và VLDL
19. Xét nghiệm nào sau đây tăng sớm nhất trong NMCT:
 ● A. Troponin B. BNP C. ANP D. GOT E. LDH
20. Trong phương pháp điện di, thành phần nào sau đây tương ứng với LDL:
 A. CM B. pre- β LP ● C. β LP D. α LP E. Cholesterol
21. Xét nghiệm nào sau đây có thể dương tính giả trên bệnh nhân suy thận:
 A. AST B. Troponin I ● C. Troponin T
 D. Myoglobin E. LDH
22. Enzym nào sau đây tham gia vào quá trình chuyển Iodur từ dạng khử sang dạng oxid hóa:
 A. Catalase B. Dehydrogenase ● C. Peroxidase
 D. Oxydase E. Hydrolase
23. Chất nào sau đây làm giảm sự bắt giữ Iodur của tuyến giáp:
 ● A. Ion thiocyanat B. Propylthiouracil C. Thymidyl
 D. Homocystein E. Ion flor
24. Điều nào sau đây không đúng khi nói về hormon T3:
 A. Tác dụng ở tế bào đích mạnh hơn T4 gấp 4 lần
 B. Số lượng ở máu ngoại vi ít hơn T4
 ● C. Khi tới mô đích một phần T3 chuyển thành T4
 D. Thời gian tác dụng ngắn hơn T4
 E. Một ý khác

25. Chọn ý sai:

- A. Peroxidase tham gia vào quá trình oxi hóa iodur
- B. Hormon giáp làm tăng glucose máu
- ☒ C. Cường giáp làm tăng lipid máu, tăng nguy cơ xơ vữa động mạch
- D. Hydroperoxide giúp chuyển iodur dạng khử sang dạng oxi hóa
- E. Khi lưu thông trong tuần hoàn T4 chủ yếu gắn kết với globulin

26. TSH receptor antibody (TRAb) tăng cao nhất trong bệnh nào sau đây:

- A. Vảy nến
- ☒ B. Basedow
- C. Viêm giáp Hashimoto's
- D. Bệnh suy giáp
- E. Myxedema

27. Bệnh nào sau đây không gặp khi FT₄ giảm:

- A. Suy giáp thứ phát
- ☒ B. U tuyến yên
- C. Điều trị kháng giáp
- D. Thiếu hụt iod nặng
- E. Suy giáp tiên phát

28. Chỉ dấu ung thư nào sau đây tăng cao trong ung thư tụy:

- A. AFP
- B. CA 15-3
- C. CA 19-9
- D. CA 125
- E. HE4

29. Chỉ dấu ung thư nào sau đây tăng cao trong ung thư buồng trứng:

- A. CA 72-4
- B. CA 15-3
- C. CA 19-9
- D. CA 125
- E. NSP

30. Chỉ dấu ung thư nào sau đây tăng cao trong ung thư dạ dày:

- A. CA 72-4
- B. CA 15-3
- C. CA 19-9
- D. CA 125
- E. HE4

31. Chất chỉ điểm sinh học nào sau đây tăng trong ung thư bàng quang:

- A. CEA và CYFRA 21-1
- B. CYFRA 21-1 và BTA
- C. SCC và BTA
- D. CA 15-3 và CYFRA 21-1

32. Chọn ý đúng nhất: đột biến ở gene BRCA1 và BRCA2 liên quan đến tăng nguy cơ ung thư:

- A. Đại tràng
- B. Tụy
- C. Vú
- D. Buồng trứng và vú

33. Điều nào sau đây không đúng khi nói về AFP:

- A. Tiên lượng tốt khi half-life < 5 ngày
- B. Nồng độ AFP tăng theo kích thước khối u
- C. Nồng độ AFP tăng thoáng qua trong viêm gan cấp, mạn tính
- D. 5% bệnh nhân xơ gan có AFP tăng cao hơn 500µg/L

34. Điều nào sau đây không đúng khi nói về CA72-4:

- A. Theo dõi diễn tiến bệnh ung thư dạ dày
- B. Dương tính trong ung thư buồng trứng
- C. Dương tính trong ung thư đại trực tràng
- D. Dương tính trong ung thư tụy

35. Trường hợp lâm sàng nào sau đây xảy ra khi kết quả xét nghiệm cho thấy: hsTSH $> 5\mu\text{U/ml}$, FT_4 bình thường:

- A. Cường giáp
- B. Suy giáp
- C. Cường giáp dưới lâm sàng
- D. Suy giáp dưới lâm sàng
- E. Bệnh Graves

36. Vai trò của HDL-C:

- A. Vận chuyển TG nội sinh từ gan đến các mô
- B. Vận chuyển TG ngoại sinh từ ruột đến các mô
- C. Vận chuyển cholesterol từ ruột đến các mô
- D. Vận chuyển cholesterol dư thừa từ các mô về gan
- E. Vận chuyển cholesterol dư thừa và phospholipid từ các mô về gan

37. Rối loạn lipid, lipoprotein máu kiểu nào có nguy cơ cao nhất với XVDM:

- A. CM tăng, HDL-C giảm
- B. Cholesterol tăng, HDL-C tăng
- C. LDL-C tăng, HDL-C giảm
- D. LDL tăng, VLDL tăng
- E. CM và VLDL tăng

38. Cơ thể bị nhiễm toan chuyển hóa trong trường hợp nào:

- A. Đái tháo đường
- B. Nhịn đói lâu ngày
- C. Suy thận
- D. Tất cả ý trên
- E. Chỉ có A và C đúng

39. Tỷ lệ dịch nội mạch so với dịch ngoại bào:

- A. 10%
- B. 25%
- C. 40%
- D. 55%
- E. 70%

40. Ở người trưởng thành, tổng lượng nước cơ thể so với khối lượng cơ thể:

- A. 30%
- B. 45%
- C. 60%
- D. 75%
- E. 90%

41. Ion chiếm nồng độ cao ở dịch nội bào so với dịch ngoại bào, NGOẠI TRỪ:

- A. Cl^-
- B. K^+
- C. Mg^{2+}
- D. Protein
- E. Các câu trên đều sai

42. Nguyên nhân gây mất dịch ngoại bào:

- A. Viêm tụy cấp
- B. Hội chứng thận hư
- C. Quá tải dịch truyền
- D. Suy tim

43. Nguyên nhân gây hạ kali máu:

- A. Nhiễm toan
- B. Hội chứng Cushing
- C. Hội chứng ly giải khối u
- D. Phồng nặng

44. Vai trò của aldosteron:

- A. Tác dụng tại ống góp
- B. Làm mất kali
- C. Giữ proton
- D. Tái hấp thu nước tích cực

45. Nguyên nhân tăng kali máu gồm, chọn câu SAI:

- A. Bệnh Addison
- B. Thiếu insulin
- C. Ngộ độc digoxin
- D. Lợi tiểu thiazid

46. Mẫu máu tán huyết đại thể có kết quả kali thay đổi:

- A. Tăng 50%
- B. Giảm 50%
- C. Tăng 30%
- D. Giảm 30%

47. Sự hình thành dịch màng phổi

- A. Thanh dịch được hình thành tại lá thành
- B. Áp suất thủy tĩnh của tuần hoàn hệ thống < áp suất keo
- C. Áp suất keo mao mạch < áp suất thủy tĩnh của hoàn phổi
- D. Thể tích bình thường 30-50 ml

48. Nguyên nhân gây tràn dịch

- A. Áp suất keo lòng mạch tăng
- B. Áp suất thủy tĩnh lòng mạch giảm
- C. Tăng tính thấm mao mạch
- D. Tăng dẫn lưu mạch bạch huyết

49. Giá trị nồng độ protein dùng phân biệt dịch thấm và dịch tiết trong khoang màng phổi:

- A. 2,5 g/dl
- B. 3 g/dl
- C. 25 mg/dl
- D. 30 mg/dl

50. Trong tràn dịch màng bụng nghi do ác tính, giá trị protein (huyết thanh - dịch) dưới:

- A. 1,1 g/l
- B. 11 g/dl
- C. 1,1 g/dl
- D. 2,5 g/l

51. Đặc điểm của dịch não tủy trong viêm não virus, NGOẠI TRỪ:

- A. Bạch cầu đa nhân có thể ưu thế trong vài giờ đầu.
- B. Glucose bình thường.
- C. Protein giảm.
- D. Áp lực dịch não tủy giảm.

52. Hàng rào máu não tăng tính thấm ở các trường hợp sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Mạch máu tân sinh
- B. Hệ thần kinh chưa trưởng thành
- C. Xơ vữa động mạch
- D. Thiếu máu cục bộ

53. Chất được tái hấp thu hoàn toàn

- A. Glucose
- B. Nước
- C. Bicarbonat
- D. Vitamin C
- E. Manitol

54. Manitol được ống thận tái hấp thu:

- A. Hoàn toàn
- B. Hầu hết
- C. Một phần
- D. Không tái hấp thu
- E. Các câu trên đều sai

55. Thận điều hoà thăng bằng acid base:

- A. Bài tiết Na^+ và giữ lại H^+
- B. Bài tiết Na^+ và bài tiết H^+
- C. Giữ lại Na^+ và bài tiết H^+
- D. Giữ lại Na^+ và giữ lại H^+
- E. Tất cả các câu đều sai

56. Áp lực dịch lọc của cầu thận có giá trị:

- A. 5 mmHg
- B. 10 mmHg
- C. 15 mmHg
- D. 20 mmHg
- E. 25 mmHg

57. Nước tiểu bao đầu có các thành phần giống huyết tương, ngoại trừ:

- A. Glucose
- B. Protein
- C. Na^+
- D. K^+
- E. Creatinin

58. Nồng độ protein niệu được xem là khởi đầu của bệnh lý

- A. 50 mg/24 giờ
- B. 100 mg/24 giờ
- C. 150 mg/24 giờ
- D. 200 mg/24 giờ
- E. 250 mg/24 giờ

59. Độ thanh lọc creatinin

- A. $C = \text{UV}/P$, P là nồng độ chất thanh lọc trong huyết tương, tính theo đơn vị mg/dl
- B. $C = \text{UP}/V$, P là nồng độ chất thanh lọc trong huyết tương, tính theo đơn vị mg/dl
- C. $C = \text{PV}/U$, U là nồng độ chất thanh lọc trong nước tiểu, tính theo đơn vị mg/dl
- D. Tính theo công thức Cockcroft: $C = [(140 - \text{tuổi}) \times \text{cân nặng (kg)}] / (P \times A)$
- E. Tính theo công thức Cockcroft: $C = [(140 - \text{tuổi}) \times \text{cân nặng (g)}] / (P \times A)$

60. Rối loạn chuyển hóa trong suy thận nặng

- A. Na^+ giảm, K^+ tăng
- B. Na^+ giảm, K^+ giảm
- C. Na^+ tăng, K^+ tăng
- D. Na^+ tăng, K^+ giảm
- E. Các câu đều sai